TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Cành

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long: bà Trần Thúy Liễu- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, về việc: "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 186/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh **Nguyễn Phan Nhựt T**, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B (nay là ấp B), xã H, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: chị **Trương Thị Cẩm T1**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B (nay là ấp B), xã H, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2026 nguyên đơn anh Nguyễn Phan Nhựt T trình bày:

Về hôn nhân: qua quen biết anh T và chị T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 03/5/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

tương đối hạnh phúc nhưng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào năm 2023 và chính thức ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường hay cự cãi. Đồng thời, vợ chồng cũng thường xuyên mẫu thuẫn về tiền bạc, kinh tế, anh T có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện nay anh T xác định tình cảm vợ chồng dành cho chị T1 không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 15/10/2020 và Nguyễn D, sinh ngày 25/6/2023, hiện nay các con đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Trương Thị Cẩm T1 được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T và chị T1 vắng mặt.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 12/5/2026 anh Nguyễn Phan Nhựt T xin vắng mặt, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ theo quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phan Nhựt T.

- Về hôn nhân: anh Nguyễn Phan Nhựt T được ly hôn với chị Trương Thị Cẩm T1.

- Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 15/10/2020 và Nguyễn D, sinh ngày 25/6/2023 cho anh Nguyễn Phan Nhựt T nuôi dưỡng.

Chị Trương Thị Cẩm T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: anh Nguyễn Phan Nhựt T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn anh Nguyễn Phan Nhựt T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trương Thị Cẩm T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2019 ngày 03/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Phan Nhựt T và chị Trương Thị Cẩm T1 là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh T thì sau khi cưới nhau anh T và chị T1 cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng khi xảy ra mâu thuẫn thì không hàn gắn được. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cự cãi và có nhiều mẫu thuẫn về tiền bạc, kinh tế và anh T, chị T1 đã ly thân từ năm 2024 đến nay không đoàn tụ được. Tại đơn xin ly hôn anh T trình bày hiện không còn tình cảm với chị T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T1.

Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T1 nhưng chị T1 không có văn bản trả lời, không tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu kèm theo để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án xem như không có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T, do đó mối quan hệ hôn nhân của anh T và chị T1 không thể hàn gắn được. Anh T cho rằng vợ chồng có nhiều bất hòa và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị T1, vì thế mâu thuẫn của anh T và Chị T1 đã trở nên trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và cũng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

- *Về con chung:* anh T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn H, sinh ngày 15/10/2020 và Nguyễn D, sinh ngày 25/6/2023. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T1 để làm rõ yêu cầu nuôi con chung của anh T nhưng chị T1 vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của chị T1. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống chung với anh T và do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cuộc sống của cháu Nguyễn H và Nguyễn D đã ổn định trong thời gian qua. Để tiếp tục đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và tâm lý cho sự phát triển của hai con chung trong thời gian tới. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao hai con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 15/10/2020 và Nguyễn D, sinh ngày 25/6/2023 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Phan Nhựt T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005101 ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp đủ.

[5] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phan Nhựt T.

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Phan Nhựt T được ly hôn với chị Trương Thị Cẩm T1.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 15/10/2020 và Nguyễn D, sinh ngày 25/6/2023 cho anh Nguyễn Phan Nhựt T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Phan Nhựt T không yêu cầu chị Trương Thị Cẩm T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: anh Nguyễn Phan Nhựt T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Nguyễn Phan Nhựt T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005101 ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- UBND xã Hòa Hiệp: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

Ngô Thị Ngọc Trinh